

Số: 15/2024/QĐ-UBND

Điện Biên, ngày 24 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định tiêu chuẩn đối với cán bộ, công chức cấp xã
và ngành đào tạo đối với các chức danh công chức cấp xã;
Quy chế tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Điện Biên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008; Luật sửa đổi,
bổ sung một số điều của luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng
11 năm 2019;

Căn cứ Luật Hộ tịch ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Kế toán ngày 20 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản
quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020
của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP
ngày 14 tháng 5 năm 2016 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành
Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của
Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 06/2023/NĐ-CP ngày 21 tháng 02 năm 2023 của Chính
phủ quy định về kiểm định chất lượng đầu vào công chức;

Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính
phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách
ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2013/TTLT-BNV-BQP ngày 10 tháng 4 năm
2013 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Quốc phòng hướng dẫn việc quy
hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và bố trí sử dụng Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó Ban Chỉ

huy Quân sự xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tiêu chuẩn đối với cán bộ, công chức cấp xã và ngành đào tạo đối với các chức danh công chức cấp xã; Quy chế tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 6 năm 2024 và thay thế Quyết định số 04/2022/QĐ-UBND ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên ban hành Quy chế tổ chức tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (BTP);
- Vụ Pháp chế (BNV);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Báo Điện Biên Phủ;
- Trung tâm TT-HN-NK tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KT. *g*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lê Thành Đô

QUY ĐỊNH

**Tiêu chuẩn đối với cán bộ, công chức cấp xã và
ngành đào tạo đối với các chức danh công chức cấp xã;
Quy chế tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Điện Biên**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND
ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Quy định về tiêu chuẩn cụ thể đối với từng chức vụ cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã), ngành đào tạo phù hợp đối với từng chức danh công chức cấp xã.
- Quy chế về tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã trên địa bàn tỉnh Điện Biên.
- Các nội dung không quy định tại Quy định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Cán bộ, công chức cấp xã theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.
- Người tham gia dự tuyển các chức danh công chức cấp xã theo quy định tại khoản 2, Điều 5 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.
- Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là cấp huyện); Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là cấp xã) trên địa bàn tỉnh Điện Biên.
- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao thực hiện nhiệm vụ tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức cấp xã theo phân cấp quản lý trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Chương II QUY ĐỊNH TIÊU CHUẨN CỤ THỂ CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ VÀ NGÀNH ĐÀO TẠO PHÙ HỢP ĐỐI VỚI CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Điều 3. Tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ cấp xã

- Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy cấp xã
 - Về độ tuổi, trình độ giáo dục phổ thông, trình độ lý luận chính trị

Thực hiện theo quy định tại các điểm a, b, d, khoản 1, Điều 8 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

b) Về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ

Tốt nghiệp đại học trở lên. Trường hợp là cán bộ cấp xã làm việc tại các xã thuộc địa bàn miền núi, vùng cao, biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì yêu cầu tốt nghiệp trung cấp trở lên; kể từ ngày 01/8/2028 yêu cầu trình độ đại học trở lên.

c) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của Đảng và cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ.

2. Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ, Chủ tịch Hội Nông dân, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh cấp xã

a) Về độ tuổi, trình độ giáo dục phổ thông, trình độ lý luận chính trị

Thực hiện theo quy định tại các điểm a, b, d, khoản 2, Điều 8 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

b) Về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ

Tốt nghiệp đại học trở lên. Trường hợp là cán bộ cấp xã làm việc tại các xã thuộc địa bàn miền núi, vùng cao, biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì yêu cầu tốt nghiệp trung cấp trở lên; kể từ ngày 01/8/2028 yêu cầu trình độ đại học trở lên.

c) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương và quy định của cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ.

3. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp xã; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Về độ tuổi, trình độ giáo dục phổ thông, trình độ lý luận chính trị

Thực hiện theo quy định tại các điểm a, b, d, khoản 3, Điều 8 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

b) Về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ

Tốt nghiệp đại học trở lên. Trường hợp là cán bộ cấp xã làm việc tại các xã thuộc địa bàn miền núi, vùng cao, biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì yêu cầu tốt nghiệp trung cấp trở lên; kể từ ngày 01/8/2028 yêu cầu trình độ đại học trở lên.

c) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của Đảng, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, pháp luật có liên quan và quy định của cơ quan có thẩm quyền quản lý cán bộ.

Điều 4. Tiêu chuẩn cụ thể đối với từng chức danh công chức cấp xã

1. Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã

Đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1, Điều 10 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

2. Công chức Tư pháp - Hộ tịch

Đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 2, Điều 72 Luật Hộ tịch năm 2014 và theo quy định tại các điểm a, b, khoản 2, Điều 10 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

3. Công chức Văn phòng - Thống kê; công chức Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường (ở phường, thị trấn) hoặc công chức Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường (ở xã); công chức Tài chính - Kế toán; công chức Văn hóa - Xã hội

a) Về độ tuổi, trình độ giáo dục phổ thông

Đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định tại các điểm a, b, khoản 2, Điều 10 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

b) Về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ

Tốt nghiệp đại học trở lên thuộc các ngành, chuyên ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của chức danh công chức đảm nhận. Trường hợp là công chức cấp xã làm việc tại các xã thuộc địa bàn miền núi, vùng cao, biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì yêu cầu tốt nghiệp trung cấp trở lên; kể từ ngày 01/8/2028 yêu cầu trình độ đại học trở lên.

Điều 5. Ngành đào tạo phù hợp với từng chức danh công chức cấp xã

Ngành đào tạo có liên quan đến nhiệm vụ của từng chức danh công chức cấp xã căn cứ vào văn bằng tốt nghiệp theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo, không phân biệt loại hình đào tạo, trường công lập hay ngoài công lập.

1. Đối với chức danh Văn phòng - Thống kê

Các ngành: Luật; Luật hiến pháp và luật hành chính; Quản trị nhân lực; Quản trị văn phòng; Quản lý công; Quản lý nhà nước; Chính trị học; Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước; Xã hội học; Nhân học; Lưu trữ học; Thống kê; Kinh tế; Thống kê kinh tế; Quản lý Kinh tế; Sư phạm Văn.

2. Đối với chức danh Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường (ở phường, thị trấn) hoặc Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường (ở xã)

a) Chức danh Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường (ở phường, thị trấn)

Các ngành: Quản lý tài nguyên và môi trường; Quản lý đất đai; Kỹ thuật trắc địa - bản đồ; Khoa học môi trường; Quản lý tài nguyên môi trường; Bản đồ học; Quản lý xây dựng; Kỹ thuật xây dựng; Quản lý đô thị và công trình; Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; Kiến trúc và quy hoạch; Xây dựng; Kỹ thuật địa chất, địa vật lý và trắc địa.

b) Chức danh Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng và Môi trường (ở xã)

Các ngành: Quản lý tài nguyên và môi trường; Quản lý đất đai; Kỹ thuật trắc địa - bản đồ; Khoa học môi trường; Quản lý tài nguyên môi trường; Bản đồ học; Quản lý xây dựng; Kỹ thuật xây dựng; Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông; Kiến trúc và quy hoạch; Xây dựng; Kỹ thuật địa chất, địa vật lý và trắc địa; Nông nghiệp; Nông học; Khoa học cây trồng; Bảo vệ thực vật; Khuyến nông; Chăn

nuôi; Kinh tế nông nghiệp; Phát triển nông thôn; Kinh doanh nông nghiệp; Bảo vệ thực vật; Quản lý tài nguyên rừng; Lâm nghiệp; Lâm sinh; Lâm học; Thú y.

3. Đối với chức danh Tài chính - Kế toán

Các ngành: Tài chính; Kế toán; Kiểm toán.

4. Đối với chức danh Tư pháp - Hộ tịch

Thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 72 Luật Hộ tịch năm 2014.

5. Đối với chức danh Văn hóa - Xã hội

a) Vị trí phụ trách Văn hóa

Các ngành: Quản lý văn hóa; Xã hội học; Việt Nam học; Đông Phương học; Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam; Văn hóa học; Quản lý thể dục thể thao; Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam.

b) Vị trí phụ trách Xã hội

Các ngành: Quan hệ lao động; Công tác xã hội; Xã hội học; Công tác thanh thiếu niên; Quản trị nhân lực; Quản lý nhà nước.

6. Đối với chức danh Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Quân sự cấp xã

Thực hiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành về quân sự.

7. Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ ngành, chuyên ngành đào tạo ghi trên văn bằng tốt nghiệp để thực hiện tuyển dụng công chức cấp xã phù hợp với chức danh, vị trí việc làm. Trong quá trình thực hiện tuyển dụng công chức cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định chọn ngành đào tạo với chuyên môn cụ thể trong nhóm ngành liên quan đến tiêu chuẩn của từng chức danh công chức cấp xã để thực hiện tuyển dụng phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của địa phương.

Chương III

QUY CHẾ TỔ CHỨC TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Mục 1

NGUYÊN TẮC, CĂN CỨ, PHƯƠNG THỨC, ĐIỀU KIỆN, THẨM QUYỀN TUYỂN DỤNG

Điều 6. Nguyên tắc tuyển dụng

Thực hiện theo quy định tại Điều 38 Luật Cán bộ, công chức năm 2008 và các nội dung tại Quy định này.

Điều 7. Căn cứ tuyển dụng

1. Việc tuyển dụng công chức cấp xã phải căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm và số lượng cán bộ, công chức cấp xã được giao.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện về nhu cầu tuyển dụng công chức cấp xã; Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, xây dựng kế hoạch tuyển dụng. Nội dung kế hoạch tuyển dụng bao gồm:

a) Số lượng cán bộ, công chức cấp xã được cấp có thẩm quyền giao và số

lượng đã sử dụng, số lượng chưa sử dụng, số kiêm nhiệm của từng đơn vị hành chính cấp xã.

b) Số lượng công chức cấp xã cần tuyển ở từng vị trí chức danh công chức cấp xã, mô tả vị trí việc làm cần tuyển dụng. Đối với chức danh cần 02 người đảm nhiệm phải nêu rõ lĩnh vực phụ trách, ngành đào tạo của công chức hiện có, lĩnh vực phụ trách của vị trí chức danh cần tuyển, ngành đào tạo của vị trí cần tuyển.

c) Số lượng công chức cấp xã thực hiện xét tuyển (nếu có) đối với từng nhóm đối tượng sau: Người cam kết tình nguyện làm việc từ 05 năm trở lên ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; người học theo chế độ cử tuyển theo quy định của Luật Giáo dục, sau khi tốt nghiệp về công tác tại địa phương nơi cử đi học; sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng.

d) Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự tuyển ở từng vị trí việc làm.

đ) Hình thức và nội dung thi tuyển hoặc xét tuyển.

e) Các nội dung khác (nếu có).

Điều 8. Phương thức tuyển dụng

Thực hiện theo Điều 37 Luật Cán bộ, công chức năm 2008 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức năm 2019.

Điều 9. Điều kiện đăng ký dự tuyển công chức cấp xã

1. Người đăng ký dự tuyển công chức cấp xã có đủ các điều kiện đăng ký dự tuyển theo quy định tại Điều 36 Luật Cán bộ, công chức năm 2008; Điều 7 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP; Điều 4 và Điều 5 của Quy định này.

2. Đối với các chức danh công chức cấp xã quy định tại khoản 2, Điều 5 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP (trừ chức danh Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự và Tư pháp - Hộ tịch): Yêu cầu trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ tốt nghiệp đại học trở lên của ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của chức danh công chức cấp xã tại Quy định này.

Điều 10. Ưu tiên trong tuyển dụng công chức cấp xã

Thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức và khoản 3, Điều 13 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

Điều 11. Thẩm quyền tuyển dụng

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Xây dựng phương án tuyển dụng, gửi Sở Nội vụ phê duyệt và tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã theo trình tự, thủ tục được pháp luật quy định và theo Quy định này; quyết định tuyển dụng công chức căn cứ kết quả tuyển dụng được Sở Nội vụ phê duyệt; xếp lương đối với người hoàn thành chế độ tập sự; hủy bỏ quyết định tuyển dụng đối với người tập sự không đạt yêu cầu, trừ đối tượng tiếp nhận vào làm công chức cấp xã theo quy định tại Điều 24 Quy định này.

b) Căn cứ số lượng người đăng ký dự tuyển, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc thành lập Hội đồng tuyển dụng.

2. Sở Nội vụ

a) Thẩm định và phê duyệt phương án tuyển dụng, kết quả tuyển dụng công chức cấp xã trước khi Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức tuyển dụng và ban hành Quyết định tuyển dụng công chức cấp xã theo quy định.

b) Tổ chức thanh tra, kiểm tra việc tuyển dụng công chức cấp xã của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 12. Hội đồng tuyển dụng công chức cấp xã

1. Thực hiện theo quy định tại các khoản 2, 3, Điều 7 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập Hội đồng tuyển dụng để tổ chức thực hiện tuyển dụng. Hội đồng tuyển dụng có 05 hoặc 07 thành viên, bao gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng là Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Phó Chủ tịch Hội đồng là Trưởng phòng hoặc Phó Trưởng phòng Nội vụ cấp huyện.

c) Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng là công chức Phòng Nội vụ cấp huyện.

d) Các ủy viên khác là đại diện lãnh đạo một số phòng, ban, đơn vị cấp huyện có liên quan đến việc tổ chức tuyển dụng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của thành viên tham gia Hội đồng tuyển dụng; các bộ phận giúp việc của Hội đồng tuyển dụng; nội quy, quy chế tuyển dụng công chức cấp xã thực hiện theo Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản mới sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Mục 2

THI TUYỂN CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Điều 13. Hình thức, nội dung và thời gian thi tuyển

Thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP và khoản 5, Điều 13 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

Điều 14. Xác định người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức cấp xã

1. Người trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức cấp xã phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Có kết quả điểm thi tại vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên. Trường hợp thi kết

hợp phỏng vấn và thi viết thì người dự thi phải dự thi đủ phỏng vấn và viết.

b) Có kết quả điểm thi tại vòng 2 cộng với điểm ưu tiên theo quy định tại Điều 10 Quy định này (nếu có) lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong chỉ tiêu được tuyển dụng của từng chức danh công chức của từng xã, phường, thị trấn có nhu cầu tuyển dụng.

2. Trường hợp có từ 02 người trở lên có tổng số điểm tính theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều này bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng của vị trí việc làm cần tuyển thì người có kết quả điểm thi vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định người trúng tuyển.

3. Người không trúng tuyển trong kỳ thi tuyển công chức không được bảo lưu kết quả thi tuyển cho các kỳ thi tuyển lần sau.

Mục 3 **XÉT TUYỂN CÔNG CHỨC CẤP XÃ**

Điều 15. Đối tượng xét tuyển công chức cấp xã

1. Việc tuyển dụng công chức cấp xã thông qua hình thức xét tuyển do Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định và được thực hiện riêng đối với từng nhóm đối tượng sau đây:

a) Người cam kết tình nguyện làm việc từ 05 năm trở lên ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

b) Người học theo chế độ cử tuyển theo quy định của Luật Giáo dục, sau khi tốt nghiệp về công tác tại địa phương nơi cử đi học.

c) Sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, nhà khoa học trẻ tài năng.

2. Việc tuyển dụng đối với nhóm đối tượng quy định tại điểm c, khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định của Chính phủ về chính sách thu hút, tạo nguồn nhân lực từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ.

3. Riêng đối với chức danh Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã thực hiện xét tuyển đối với người có đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 7 và khoản 1, Điều 10 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP và thực hiện việc bổ nhiệm chức danh theo quy định của pháp luật về dân quân tự vệ.

Điều 16. Nội dung, hình thức xét tuyển công chức cấp xã

Xét tuyển công chức cấp xã được thực hiện theo 02 vòng như sau:

1. Vòng 1

Kiểm tra điều kiện dự tuyển tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, nếu đáp ứng đủ điều kiện thì người đăng ký dự tuyển được tham dự vòng 2.

2. Vòng 2

a) Phỏng vấn để kiểm tra về kiến thức, kỹ năng thực thi công vụ của người dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

b) Thời gian phỏng vấn là 30 phút (thí sinh dự thi có không quá 15 phút chuẩn bị trước khi phỏng vấn).

c) Thang điểm phỏng vấn là 100 điểm.

Điều 17. Xác định người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển công chức cấp xã

1. Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển công chức cấp xã phải có đủ các điều kiện sau:

a) Có kết quả điểm vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên.

b) Có kết quả điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên theo quy định tại Điều 10 Quy định này (nếu có) lấy theo thứ tự điểm từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí việc làm.

2. Trường hợp có từ 02 người trở lên có tổng số điểm tính theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều này bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng của vị trí việc làm cần tuyển thì người có kết quả điểm vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định người trúng tuyển.

3. Người không trúng tuyển trong kỳ xét tuyển công chức không được bảo lưu kết quả xét tuyển cho các kỳ xét tuyển lần sau.

Mục 4

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Điều 18. Thông báo tuyển dụng và tiếp nhận phiếu đăng ký dự tuyển

1. Trước khi thực hiện tuyển dụng, Ủy ban nhân dân cấp huyện phải đăng thông báo tuyển dụng công khai ít nhất 01 lần trên một trong những phương tiện thông tin đại chúng sau: Báo in, báo điện tử, báo nói, báo hình; đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2. Nội dung thông báo tuyển dụng bao gồm:

a) Số lượng công chức cần tuyển ứng với từng vị trí việc làm.

b) Số lượng vị trí việc làm thực hiện thi tuyển, xét tuyển.

c) Tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự tuyển.

d) Thời hạn, địa chỉ và địa điểm tiếp nhận phiếu đăng ký dự tuyển, số điện thoại di động hoặc cố định của cá nhân, bộ phận được phân công tiếp nhận phiếu đăng ký dự tuyển.

đ) Hình thức, nội dung thi tuyển, xét tuyển; thời gian và địa điểm thi tuyển, xét tuyển.

3. Việc thay đổi nội dung thông báo tuyển dụng chỉ được thực hiện trước khi khai mạc kỳ tuyển dụng và phải công khai theo quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Người đăng ký dự tuyển nộp phiếu đăng ký dự tuyển (theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 138/2020/NĐ-CP) tại địa điểm tiếp nhận phiếu đăng ký dự tuyển hoặc gửi theo đường bưu chính hoặc qua trang thông tin điện tử hoặc

cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

5. Thời hạn nhận phiếu đăng ký dự tuyển là 30 ngày kể từ ngày thông báo tuyển dụng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng; trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 19. Trình tự tổ chức tuyển dụng công chức cấp xã

1. Thành lập Hội đồng tuyển dụng và thành lập Ban kiểm tra phiếu đăng ký dự tuyển

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thành lập Hội đồng tuyển dụng để tổ chức thực hiện công tác tuyển dụng theo quy định.

b) Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng quyết định thành lập Ban kiểm tra phiếu đăng ký dự tuyển chậm nhất sau 05 ngày làm việc kể từ ngày thành lập Hội đồng tuyển dụng.

2. Tổ chức kiểm tra phiếu đăng ký dự tuyển

a) Ban kiểm tra phiếu đăng ký dự tuyển tổ chức kiểm tra phiếu đăng ký dự tuyển để xem xét về điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển.

b) Trường hợp người dự tuyển không đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn dự tuyển thì chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra phiếu đăng ký dự tuyển, Hội đồng tuyển dụng có trách nhiệm gửi thông báo bằng văn bản tới người đăng ký dự tuyển được biết theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký.

3. Tổ chức thi tuyển

a) Hội đồng tuyển dụng thông báo danh sách và triệu tập thí sinh đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự thi vòng 1, đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử và niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp huyện. Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày thông báo triệu tập thí sinh được tham dự vòng 1, Hội đồng tuyển dụng phải tiến hành tổ chức thi vòng 1.

b) Tổ chức thi vòng 1

Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thi vòng 1 trên máy vi tính thì phải thông báo kết quả cho thí sinh được biết ngay sau khi kết thúc thời gian làm bài thi trên máy vi tính. Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả thi vòng 1 trên máy vi tính.

Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thi vòng 1 trên giấy thì việc chấm thi thực hiện như sau: Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày kết thúc thi vòng 1 phải hoàn thành việc chấm thi vòng 1. Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc chấm thi vòng 1 phải công bố kết quả thi để thí sinh dự thi biết và thông báo việc nhận đơn phúc khảo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày công bố kết quả thi trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện. Trường hợp có đơn phúc khảo thì chậm nhất 15 ngày kể từ ngày hết thời hạn nhận đơn phúc khảo phải hoàn thành việc chấm phúc khảo và công bố kết quả chấm phúc khảo để thí sinh dự thi được biết.

Căn cứ vào điều kiện thực tiễn trong quá trình tổ chức chấm thi, Chủ tịch Hội đồng tuyển dụng quyết định kéo dài thời hạn thực hiện các công việc quy

định tại điểm này nhưng tổng thời gian kéo dài không quá 15 ngày.

c) Tổ chức thi vòng 2

Chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc việc chấm thi vòng 1, Hội đồng tuyển dụng phải lập danh sách và thông báo triệu tập thí sinh đủ điều kiện dự thi vòng 2, đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử và niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày thông báo triệu tập thí sinh được tham dự vòng 2, Hội đồng tuyển dụng phải tiến hành tổ chức thi vòng 2.

Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thi vòng 2 bằng hình thức thi viết hoặc hình thức thi kết hợp phỏng vấn và viết thì việc chấm thi viết và chấm phúc khảo thi viết thực hiện như quy định tại điểm b khoản này. Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả thi vòng 2 bằng hình thức phỏng vấn.

4. Tổ chức xét tuyển

a) Chậm nhất 05 ngày làm việc sau ngày kết thúc việc kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển tại vòng 1, Hội đồng tuyển dụng phải lập danh sách và thông báo triệu tập thí sinh đủ điều kiện dự phỏng vấn tại vòng 2, đồng thời đăng tải trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày thông báo triệu tập thí sinh được tham dự vòng 2 thì phải tiến hành tổ chức phỏng vấn tại vòng 2. Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả phỏng vấn tại vòng 2.

Điều 20. Thông báo kết quả tuyển dụng công chức cấp xã

1. Chậm nhất 05 ngày làm việc sau khi hoàn thành chấm thi vòng 2 theo quy định tại Điều 19 Quy định này, Hội đồng tuyển dụng phải báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, gửi Sở Nội vụ phê duyệt kết quả tuyển dụng.

2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả tuyển dụng, Hội đồng tuyển dụng phải thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp huyện và gửi thông báo công nhận kết quả trúng tuyển bằng văn bản tới người dự tuyển theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký. Nội dung thông báo phải ghi rõ thời hạn người trúng tuyển phải đến trụ sở Ủy ban nhân dân cấp huyện để hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng.

Điều 21. Hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng công chức cấp xã

1. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được thông báo kết quả trúng tuyển, người trúng tuyển phải đến Ủy ban nhân dân cấp huyện để hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng. Hồ sơ tuyển dụng bao gồm:

a) Bản sao văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển, chứng nhận đối tượng ưu tiên (nếu có).

Trường hợp người trúng tuyển có bằng tốt nghiệp chuyên môn đã chuẩn đầu ra về ngoại ngữ hoặc tin học theo quy định mà tương ứng với yêu cầu của vị trí việc làm dự tuyển thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ, tin học.

Trường hợp người trúng tuyển được miễn phần thi ngoại ngữ hoặc tin học

quy định tại các điểm c, d, khoản 1, Điều 8 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ, tin học.

b) Phiếu lý lịch tư pháp do cơ quan có thẩm quyền cấp.

2. Trường hợp người trúng tuyển không hoàn thiện đủ hồ sơ tuyển dụng theo quy định hoặc có hành vi gian lận trong việc kê khai phiếu đăng ký dự tuyển hoặc bị phát hiện sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định hủy bỏ kết quả trúng tuyển.

Trường hợp người đăng ký dự tuyển có hành vi gian lận trong việc kê khai phiếu đăng ký dự tuyển hoặc sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không đúng quy định để tham gia dự tuyển thì Ủy ban nhân dân cấp huyện thông báo công khai trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan và không tiếp nhận phiếu đăng ký dự tuyển trong 01 kỳ tuyển dụng tiếp theo.

Điều 22. Quyết định tuyển dụng và nhận việc đối với công chức cấp xã

1. Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày người trúng tuyển hoàn thiện hồ sơ tuyển dụng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định tuyển dụng và gửi quyết định tới người trúng tuyển theo địa chỉ đã đăng ký.

2. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định tuyển dụng, người được tuyển dụng vào công chức phải đến cơ quan nhận việc, trừ trường hợp quyết định tuyển dụng quy định thời hạn khác hoặc được Ủy ban nhân dân cấp huyện đồng ý gia hạn.

3. Trường hợp người được tuyển dụng vào công chức không đến nhận việc trong thời hạn quy định tại khoản 2 Điều này thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện hủy bỏ quyết định tuyển dụng.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét quyết định việc trúng tuyển đối với người dự tuyển không trúng tuyển có kết quả thi cao nhất trong trường hợp có người trúng tuyển đã bị hủy bỏ kết quả trúng tuyển theo quy định tại khoản 2, Điều 21 Quy định này hoặc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả thi bằng nhau (là người dự tuyển không trúng tuyển có kết quả thi cao nhất) thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định người trúng tuyển theo quy định tại khoản 2, Điều 14 Quy định này (trong trường hợp tổ chức thi tuyển) hoặc quy định tại khoản 2, Điều 17 Quy định này (trong trường hợp tổ chức xét tuyển).

Điều 23. Quy định về tập sự

1. Thời gian tập sự của công chức cấp xã được thực hiện như sau:

a) 12 tháng đối với công chức được tuyển dụng có trình độ đại học trở lên.

b) 06 tháng đối với công chức được tuyển dụng có trình độ dưới đại học.

c) Không thực hiện chế độ tập sự đối với chức danh Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự cấp xã.

2. Chế độ tập sự, hướng dẫn tập sự, chế độ chính sách đối với người tập sự, người hướng dẫn tập sự, hủy bỏ quyết định tuyển dụng đối với người tập sự thực

hiện theo quy định tại các Điều 20, 21, 22, 24 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

3. Sau khi người được tuyển dụng giữ chức danh công chức cấp xã hoàn thành chế độ tập sự theo quy định tại Điều này thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định công nhận hết thời gian tập sự và xếp lương đối với công chức được tuyển dụng.

Mục 5

TIẾP NHẬN VÀO LÀM CÔNG CHỨC CẤP XÃ

Điều 24. Đối tượng tiếp nhận vào làm công chức cấp xã

Thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 14 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP.

Điều 25. Tiêu chuẩn, điều kiện, hồ sơ, Hội đồng kiểm tra, sát hạch, tiếp nhận vào làm công chức cấp xã

1. Căn cứ yêu cầu của vị trí chức danh công chức cần tuyển, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện được quyền xem xét, tiếp nhận vào làm công chức cấp xã đối với các trường hợp tại Điều 24 Quy định này nếu đáp ứng đủ điều kiện đăng ký dự tuyển công chức cấp xã theo Quy định này và không trong thời hạn xử lý kỷ luật, không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật, cụ thể:

a) Trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, khoản 1, Điều 14 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP phải có đủ 05 năm công tác trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc, nếu có thời gian công tác không liên tục thì được cộng dồn) làm công việc có yêu cầu trình độ đào tạo chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển.

b) Trường hợp quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 14 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP phải được cấp có thẩm quyền điều động, luân chuyển đến làm việc tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong hệ thống chính trị theo yêu cầu nhiệm vụ và không yêu cầu phải có đủ thời gian 05 năm công tác trở lên làm việc tại cơ quan, tổ chức, đơn vị được điều động, luân chuyển đến; khi tiếp nhận vào làm công chức cấp xã không phải thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch.

2. Người được đề nghị tiếp nhận vào làm công chức cấp xã phải hoàn thiện đầy đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 3, Điều 18 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

3. Hội đồng kiểm tra, sát hạch, tiếp nhận vào làm công chức cấp xã thực hiện theo quy định tại khoản 4, Điều 18 Nghị định số 138/2020/NĐ-CP.

Điều 26. Quy trình tiếp nhận vào làm công chức cấp xã

1. Trường hợp không phải thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch: Các đối tượng thuộc điểm d, khoản 1, Điều 14 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP. Quy trình tiếp nhận vào làm công chức cấp xã như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị tiếp nhận vào làm công chức cấp xã.

b) Phòng Nội vụ cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra các điều kiện, tiêu chuẩn, văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh công chức đề nghị tiếp nhận, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản đề nghị Sở Nội vụ cho ý kiến kèm theo hồ sơ của đối tượng tiếp nhận vào làm công chức cấp xã.

d) Căn cứ văn bản của Sở Nội vụ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định tiếp nhận vào làm công chức cấp xã.

2. Trường hợp phải thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch: Các đối tượng thuộc các điểm a, b, c, khoản 1, Điều 14 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP. Quy trình tiếp nhận vào làm công chức cấp xã như sau:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản đề nghị tiếp nhận vào làm công chức cấp xã.

b) Phòng Nội vụ cấp huyện có trách nhiệm kiểm tra về các điều kiện, tiêu chuẩn, văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh công chức đề nghị tiếp nhận, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có văn bản đề nghị Sở Nội vụ cho ý kiến kèm theo hồ sơ của đối tượng tiếp nhận vào làm công chức cấp xã.

d) Căn cứ văn bản của Sở Nội vụ, Phòng Nội vụ cấp huyện tham mưu đề Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Hội đồng kiểm tra, sát hạch theo quy định tại khoản 3, Điều 25 Quy định này.

đ) Căn cứ hồ sơ của người đề nghị tiếp nhận vào làm công chức cấp xã và báo cáo kết quả kiểm tra, sát hạch của Hội đồng kiểm tra, sát hạch; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định tiếp nhận vào làm công chức cấp xã theo quy định sau khi có ý kiến thống nhất bằng văn bản của Sở Nội vụ.

Chương IV **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 27. Điều khoản chuyển tiếp

1. Trường hợp cán bộ cấp xã đang giữ chức vụ bầu cử theo quy định tại khoản 1, Điều 5 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP mà chưa đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 3 Quy định này; công chức cấp xã đang giữ chức danh quy định tại khoản 2, Điều 5 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP mà chưa đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 4 Quy định này thì Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đảm bảo trong thời hạn 05 năm kể từ ngày Nghị định số 33/2023/NĐ-CP có hiệu lực thi hành phải đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định. Nếu hết thời hạn này mà cán bộ, công chức cấp xã chưa đáp ứng đủ tiêu chuẩn theo quy định thì thực hiện chế độ nghỉ hưu (nếu đủ điều kiện) hoặc thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo quy định của Chính phủ.

2. Các ngành đào tạo quy định tại Điều 5 Quy định này không áp dụng đối với công chức được tuyển dụng, điều động, tiếp nhận, bổ nhiệm, luân chuyển và đang đi đào tạo trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 28. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy định này và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện.

2. Phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh; các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh để theo dõi, chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện các quy định về tiêu chuẩn đối với cán bộ, công chức cấp xã.

Điều 29. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Căn cứ tình hình thực tế ở địa phương để xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai và thực hiện theo quy định về tiêu chuẩn đối với cán bộ, công chức cấp xã trên địa bàn.

2. Hàng năm thực hiện rà soát, lập kế hoạch quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và đăng ký với cơ quan có thẩm quyền để cử cán bộ, công chức cấp xã đi đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và đạt chuẩn theo quy định.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm trong việc bố trí cán bộ, công chức cấp xã theo đúng tiêu chuẩn quy định; thực hiện công tác tuyển dụng công chức cấp xã theo Quy định này và quy định của pháp luật.

4. Căn cứ nhiệm vụ cụ thể của từng chức vụ cán bộ cấp xã và từng chức danh công chức cấp xã quy định tại Điều 9, Điều 11 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP, Ủy ban nhân dân cấp huyện quy định nhiệm vụ cụ thể của từng chức vụ cán bộ cấp xã, từng chức danh công chức cấp xã cho phù hợp với đặc điểm và yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của từng xã, phường, thị trấn, bảo đảm tất cả các lĩnh vực công tác đều có cán bộ, công chức cấp xã phụ trách.

Điều 30. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Xây dựng cơ cấu, số lượng chỉ tiêu công chức cấp xã cần tuyển dụng của địa phương, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức tuyển dụng theo quy định. Thực hiện bố trí công chức được tuyển dụng đúng vị trí chức danh công chức cần tuyển.

2. Rà soát, lập kế hoạch quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và đăng ký với cơ quan có thẩm quyền để cử cán bộ, công chức cấp xã đi đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và đạt chuẩn theo quy định.

Điều 31. Áp dụng văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành

1. Việc thực hiện quy định về tiêu chuẩn đối với cán bộ, công chức cấp xã phải đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan.

2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu làm căn cứ và áp dụng trong Quyết định này và các quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan được sửa đổi, bổ sung và thay thế bằng văn bản mới thì thực hiện theo quy định tại các văn bản sửa đổi, bổ sung và thay thế đó.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung Quy định cho phù hợp./.